TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nguyên;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Phước Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm B, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khóm B, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh V tìm hiểu quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 106/2007 ngày 19/4/2007 do UBND thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị N và Nguyễn Hoàng V. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm

2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi xung đột nhau, cuộc sống bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị N yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị N và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 15/02/2001 và Nguyễn Hoàng P sinh ngày 15/10/2002. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được. Chị N không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án số 469/TB-TLVA ngày 12/5/2022 cho anh Nguyễn Hoàng V nhận về việc Chị N khởi kiện ly hôn với anh V tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh V đối với yêu cầu của Chị N và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh V gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 14/7/2022, Tòa án ban hành Thông báo số 19/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh V được biết nhưng anh V cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh V cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt, Chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản không lấy được lời khai tại khóm Long Thạnh B, phường L, thị xã T và biên bản xác minh chị Thạch Thị Thu H (người thân anh V) tại khóm Long Thạnh B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Qua xác minh Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Đương sự Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay đương sự Nguyễn Hoàng V vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

- Qua xác minh bà Thạch Thị Thu H (em dâu Nguyễn Hoàng V) khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang trình bày: Mâu thuẫn giữa anh V và Chị N phát sinh do anh V mỗi khi có uống rượu thì có cự cãi với Chị N, có nhiều lần các con của anh V Chị N khuyên can cha, mẹ đừng cự cãi nhau nữa nhưng anh V không thay đổi tính tình mỗi khi có uống rượu thì xảy ra mâu thuẫn với Chị N. Hiện nay anh V và Chị N không còn chung sống nhau.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Chị N và anh V quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên uống rượu không lo làm ăn chăm sóc gia đình, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị N và anh V có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 15/02/2001 và Nguyễn Hoàng P sinh ngày 15/10/2002. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hoàng V.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị N và anh V có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 15/02/2001 và Nguyễn Hoàng P sinh ngày 15/10/2002. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V có nơi cư trú: Khóm B, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng V được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh V do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 106/2007 ngày 19/4/2007 do UBND thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị N và Nguyễn Hoàng V.. Hôn nhân giữa Chị N và anh V là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị N khai, sau khi kết hôn, Chị N và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên uống rượu say, không lo làm ăn chăm sóc gia đình, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho Chị N và anh V hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh V vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh V chưa thật sự hàn gắn tình cảm vợ chồng với Chị N.

Tình trạng vợ chồng của Chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho Chị N ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh V có 02 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 15/02/2001 và Nguyễn Hoàng P sinh ngày 15/10/2002. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này giữa Chị N và anh V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2007 ngày 19/4/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị N và Nguyễn Hoàng V không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu *300.000 đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0006280 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của Chị N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường L, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm